

Bản án số: 45/2018/DS-PT
Ngày 16 - 5 - 2018
V/v: “Tranh chấp nghĩa vụ thanh
toán theo hợp đồng cung ứng dịch
vụ và đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương

Ông Nguyễn Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Ông Võ Văn Quyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 02 năm 2018, về việc: “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cung ứng dịch vụ và đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 58/2017/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 269/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 296/2018/QĐ-PT ngày 26/4/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Minh C, sinh năm 1961; cư trú tại số 107 đường T, tổ 20, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Ông Trần Đình V, sinh năm 1976 - Chủ doanh nghiệp tư nhân Đình V; cư trú tại số 119 đường P, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Đình V là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/10/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/11/2016 và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Ngô Minh C trình bày:

Theo bảng báo giá chi tiết và hợp đồng được ký kết giữa bên giao khoán ông Ngô Minh C (bên A), bên nhận thi công ông Trần Đình V – Chủ doanh nghiệp tư nhân Đình V (bên B) ngày 24/02/2016, thực hiện một số nội dung công việc như sau:

Bên B thực hiện công việc theo yêu cầu của bên A là: Tháo dỡ, vận chuyển các thiết bị gồm: Đĩa bay, Ròng lộn, Hu gô, đu quay tổng hợp, hồ cá, cầu tuộc, ròng xích đu... đã có sẵn tại khu vui chơi thiếu nhi Quảng Ngãi đến lắp đặt các thiết bị này tại gần vòng xoay phường T. Bên giao khoán đảm bảo điện, nước, đường ra vào tại công trình tháo dỡ trong lúc thi công, điện nước tại hai điểm tháo dỡ và lắp đặt. Các thiết bị hỏng hóc khi bên thi công tháo dỡ trong bộ phận chính, bên giao khoán phải tự mua sắm cho bên thi công lắp đặt. Về thi công tháo dỡ mặt bằng: Bên nhận khoán có trách nhiệm đập phá, tháo dỡ toàn bộ nhà liền kề gần bên có sẵn khoản 2/3 nhà cấp 4 liền kề và đập phá, tháo dỡ toàn bộ mái che đoạn phía sau tại công trình lắp đặt và tráng xi măng những đoạn không có nền. Tất cả sắt, thép hỏng hóc trong khung thiết bị Đĩa bay, Hu gô, Ròng lộn theo như hiện trạng cũ đều sửa chữa, thay mới. Tận dụng toàn bộ tường rào cổng ngõ cũ tại khu vui chơi thiếu nhi, sơn mới toàn bộ những thiết bị và tường rào, vận chuyển, lắp đặt tại địa điểm mới. Bảng báo giá chi tiết và hợp đồng có đơn giá từng công việc cụ thể như sau: Tháo dỡ, vận chuyển lắp đặt Đĩa bay tại khu vui chơi thiếu nhi Quảng Ngãi, lắp đặt gần vòng xoay phường T số lượng 01 thiết bị, đơn giá 40.000.000 đồng; tháo dỡ, vận chuyển Hu gô tại khu vui chơi thiếu nhi thành phố Q đến lắp đặt tại gần vòng xoay phường T, số lượng 01 thiết bị, đơn giá 35.000.000 đồng; tháo dỡ, vận chuyển Ròng lộn tại khu vui chơi thiếu nhi thành phố Q đến lắp đặt tại gần vòng xoay phường T, số lượng 01 thiết bị, đơn giá 23.000.000 đồng; đập phá, tháo dỡ 2/3 nhà cấp 4 liền kề gần bên, tráng lán xi măng nền phía sau đoạn tháo dỡ và từ cây nhãn trở xuống, thay thế các sắt thép trong khung thiết bị hỏng hóc, thay 5 khung cửa nhà cũ..., đơn giá 21.000.000 đồng; sơn mới các khung kèo 5 thiết bị, các thiết bị nhỏ và tường rào cổng ngõ cũ theo như màu cũ, số lượng 03 thiết bị, đơn giá 6.000.000 đồng. Tổng giá trị theo hợp đồng là 125.000.000 đồng, thời hạn thi công là 50 ngày kể từ ngày bên nhận giao khoán nhận được tiền tạm ứng.

Ngay sau khi ký kết hợp đồng, ông tạm ứng cho ông V 30% giá trị hợp đồng, số tiền là 41.600.000 đồng. Ngày 01/4/2016, ông tạm ứng tiếp cho ông V số tiền 30.000.000 đồng. Tổng cộng 2 lần tạm ứng là 71.600.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng theo kiểm tra, giám sát thực tế khối lượng công việc, thì ông V chỉ thực hiện ở hạng mục thứ nhất làm được để 04 trụ đĩa bay, cắt một phần sắt bị hỏng của đĩa bay, tháo nắp nhựa đĩa bay, khối lượng công việc đã hoàn thành khoảng 20%, tương đương với số tiền là 8.000.000 đồng; ở hạng mục thứ hai ông V đã tháo dỡ 01 mô tơ đẩy, khối lượng công việc đã hoàn thành khoảng 10%, tương đương với số tiền là 3.500.000 đồng; ở hạng mục thứ ba ông V đã cắt

sắt mục và $\frac{1}{4}$ trụ đường ray Ròng lượn, tháo gỡ 04 mô tơ, khối lượng công việc đã hoàn thành khoảng 10%, tương đương với số tiền là 2.300.000 đồng; ở hạng mục thứ tư ông V công đã hoàn thành khoảng 70%, tương đương với số tiền là 14.700.000 đồng; ở hạng mục thứ năm ông V đã sơn 04 trụ Đĩa bay, 04 trụ Hu gô, $\frac{1}{4}$ chân trụ đường ray Ròng lượn, khối lượng công việc đã hoàn thành khoảng 40%, tương đương với số tiền là 2.400.000 đồng. Như vậy tổng khối lượng công việc ông V đã thực hiện đạt 30% khối lượng công việc, tương đương với số tiền 30.900.000 đồng. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông V phải đẩy nhanh tiến độ hoàn thành công việc mà ông đã giao, nhưng ông V không thực hiện mà bỏ dở công việc theo hợp đồng các bên đã ký kết.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện hợp đồng bên nhận thi công còn chiếm giữ của ông một số thiết bị gồm: 04 mô tơ mỗi mô tơ 05hp của thiết bị Ròng lượn; 01 mô tơ 20hp, 01 bình hơi, 01 hộp máy điện điều khiển của thiết bị Hu gô lắc; 03 bộ cầu thang lên xuống bằng sắt của 03 thiết bị Ròng lượn, Đĩa bay và Hu gô lắc; tấm lợp chung quanh và sàn đi bằng nhôm của thiết bị Ròng lượn.

Nay ông yêu cầu ông V phải trả lại cho ông số tiền đã tạm ứng trước còn lại là 40.100.000 đồng và những thiết bị chiếm giữ nêu trên. Trường hợp ông V làm mất các thiết bị thì phải bồi thường lại giá trị cho ông theo quy định của pháp luật.

Tại bản tường trình ngày 05/8/2017 và các tài liệu trong hồ sơ vụ án ông Trần Đình V trình bày:

Ngày 24/02/2016, Doanh nghiệp tư nhân Đình V có ký hợp đồng nhận thi công tháo, ráp, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị gồm: Ròng lượn, Đĩa bay, Hu gô lắc cho ông Ngô Minh C, thời hạn thi công là 50 ngày kể từ ngày bên nhận thi công nhận được tiền tạm ứng. Trong thời gian thi công, ông đã chấp hành thi công đúng tiến độ giữa hai bên đã ký kết, khối lượng công việc đạt 60% theo đơn giá hai bên đã ký kết, tương ứng với số tiền mà ông đã tạm ứng của ông C. Khối lượng công việc còn lại 40% chưa thi công là do ông C chưa bàn giao mặt bằng, đợi xin mặt bằng mới tại nhà văn hóa thiếu nhi Quảng Ngãi, vì các thiết bị không thể lắp đặt tại địa điểm vòng xoay phường T, do diện tích mặt bằng quá nhỏ.

Đối với các thiết bị mô tơ, dụng cụ của tất cả 03 thiết bị Ròng lượn, Đĩa bay, Hu gô lắc khi tháo gỡ đều được tập trung tại nhà ông Ngô Minh C địa điểm vòng xoay phường T, trong thời gian doanh nghiệp gửi bản thanh lý hợp đồng và yêu cầu ông C thanh toán phần phát sinh, thì ông C thay ổ khóa mới tự quản lý các thiết bị nêu trên. Hiện nay ông C đã bán các thiết bị của Ròng lượn, Đĩa bay, Hu gô lắc.

Nay ông C yêu cầu ông phải trả lại số tiền đã tạm ứng trước còn lại là 40.100.000 đồng và những thiết bị chiếm giữ của ông C gồm: 04 mô tơ, mỗi mô tơ 05hp của thiết bị Ròng lượn; 01 mô tơ 20hp, 01 bình hơi, 01 hộp máy điện điều khiển của thiết bị Hu gô lắc; 03 bộ cầu thang lên xuống bằng sắt của 03 thiết bị Ròng lượn, Đĩa bay và Hu gô lắc; tấm lợp chung quanh và sàn đi của thiết bị Ròng lượn ông không đồng ý. Vì khối lượng công việc đã thi công tương ứng với số tiền

mà ông tạm ứng, còn các thiết bị của Ròng lượn, Đĩa bay, Hu gô lắc ông không chiếm giữ của ông C.

Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2017/DS-ST ngày 30/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Minh C. Buộc ông Trần Đình V – Chủ doanh nghiệp tư nhân Đình V hoàn trả lại số tiền tạm ứng còn lại là 40.100.000 đồng và bồi thường lại giá trị tài sản gồm 04 mô tơ, mỗi mô tơ 05hp của thiết bị Ròng lượn; 01 mô tơ 20hp, 01 bình hơi, 01 hộp máy điện điều khiển của thiết bị Hu gô lắc; 03 bộ cầu thang lên xuống bằng sắt của 03 thiết bị Ròng lượn, Đĩa bay và Hu gô lắc; tấm lợp chung quanh và sàn đi bằng nhôm của thiết bị Ròng lượn cho ông Ngô Minh C là 50.401.000 đồng. Tổng cộng hai khoảng là 90.501.000 đồng (chín mươi triệu năm trăm lẻ một ngàn đồng).

Ngoài ra bản án còn giải quyết về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 13/11/2017 ông Trần Đình V có đơn kháng cáo với nội dung: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Minh C.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của các đương sự làm trong thời hạn luật định là hợp lệ.

Về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm căn cứ vào xác nhận của những người tiếp tục thi công phần còn lại cho ông C để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, buộc ông V hoàn trả số tiền tạm ứng là 40.100.000 đồng là không có căn cứ, bởi vì: Tại Hợp đồng xác lập ngày 24/02/2016 ghi rõ: *Sau khi ký kết hợp đồng, bên giao khoán tạm ứng cho bên nhận giao khoán 30% giá trị hợp đồng, sau khi bên nhận khoán đã thi công được 50% khối lượng thì bên giao khoán tạm ứng thêm 40% theo bản báo giá trên cho bên thi công*”. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/8/2017, ông C thừa nhận khối lượng công việc ông V đã làm đạt 40%. Như vậy, cần công nhận cho ông V thi công 50% giá trị hợp đồng, cụ thể ông V phải hoàn trả số tiền tạm ứng còn lại cho ông C là 9.100.000 đồng (71.600.000 đồng – 62.500.000 đồng). Cần chấp nhận một phần kháng cáo đối với yêu cầu này của ông V.

Đối với kháng cáo của ông V về việc không đồng ý bồi thường các tài sản gồm 04 mô tơ, mỗi mô tơ 05hp của thiết bị Ròng lượn; 01 mô tơ 20hp, 01 bình hơi, 01 hộp máy điện điều khiển của thiết bị Hu gô lắc; 03 bộ cầu thang lên xuống bằng sắt của 03 thiết bị Ròng lượn, Đĩa bay và Hu gô lắc; tấm lợp chung quanh và sàn đi bằng nhôm của thiết bị Ròng lượn cho ông Ngô Minh C là 50.401.000 đồng thì thấy: Tại Hợp đồng xác lập ngày 24/02/2016 không quy định bên A có nghĩa vụ quản lý tài sản hoặc các thiết bị nêu trên. Tại Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng và thanh toán phần phát sinh ngày 08/6/2016 thì ông V thừa nhận có giữ một số thiết bị rời của ông C. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông V phải bồi thường lại giá trị tài sản nêu trên cho ông Ngô Minh C là 50.401.000 đồng là có căn cứ, nên

không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông V. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông V và sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của ông V về việc không đồng ý trả số tiền mà ông đã tạm ứng trước của ông C là 40.100.000 đồng thì thấy: Ngày 24/02/2016 giữa Doanh nghiệp tư nhân Đình V và anh Ngô Minh C lập Bảng báo giá chi tiết và hợp đồng về việc tháo ráp, sửa chữa, vận chuyển lắp đặt các thiết bị Ròng lộn, Đĩa bay, Hu gô. Nội dung của hợp đồng là ông V thực hiện công việc theo yêu cầu của ông C, cụ thể là: Tháo gỡ, vận chuyển các thiết bị gồm: Đĩa bay, Ròng lộn, Hu gô lắ, đu quay tổng hợp, hồ cá, cầu tuộc, ròng xích đu... đã có sẵn tại khu vui chơi thiếu nhi Quảng Ngãi đến lắp đặt các thiết bị này tại gần vòng xoay phường T. Quá trình thực hiện hợp đồng các bên không thuê kỹ thuật để giám sát công việc, không lập biên bản nghiệm thu từng phần của từng hạng mục đã thi công, khi doanh nghiệp tư nhân Đình V không tiếp tục thi công, thì các bên cũng không lập biên bản nghiệm thu khối lượng công việc đã thực hiện.

Ông C cho rằng, ông đã tạm ứng cho ông V hai lần, lần thứ nhất ngày 24/2/2016 số tiền là 41.600.000 đồng, lần thứ hai là ngày 01/4/2016 số tiền là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 71.600.000 đồng, nhưng ông V chỉ mới thực hiện được 30% khối lượng đã thỏa thuận trong hợp đồng thì không thực hiện nữa, tuy nhiên ông C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông V chỉ thực hiện được 30% khối lượng công việc.

Căn cứ vào Bảng báo giá chi tiết và hợp đồng ngày 24/2/2016 giữa ông C và ông V đã thỏa thuận: *“sau khi bên nhận khoán đã thi công được 50% khối lượng thì bên giao khoán tạm ứng thêm 40% theo bản báo giá trên cho bên thi công”*. Ngay sau khi ký hợp đồng ông C cho ông V tạm ứng 41.600.000 đồng. Đến ngày 01/4/2016, ông C tạm ứng thêm cho ông V 30.000.000 đồng, không ghi rõ là tương ứng với bao nhiêu % khối lượng công việc, nhưng căn cứ theo hợp đồng việc ông C cho tạm ứng thêm 30.000.000 đồng chứng minh khối lượng công việc ông V đã thực hiện tương ứng với 50% giá trị hợp đồng. Tuy nhiên, ông C đã tạm ứng 2 lần cho ông V số tiền 71.600.000 đồng tương đương với 57,28% khối lượng công việc. Căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng thì số tiền mà ông C đã tạm ứng cho ông V đã vượt quá được 7,28% khối lượng công việc. Do đó, ông V phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền tạm ứng vượt là 9.100.000 đồng {71.600.000 đ - (125.000.000 đ/2)}.

Tòa án sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của ông Bùi Nhật Quang và lời khai của ông Trần Văn Đồi là những người thi công phần còn lại cho ông C để làm căn cứ cho rằng ông V chỉ thực hiện 30% khối lượng công việc và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C là không đúng quy định tại Điều 519 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông V.

[2]. Xét kháng cáo của anh V về việc không đồng ý bồi thường các tài sản gồm 04 mô tơ, mỗi mô tơ 05hp của thiết bị Ròng lộn; 01 mô tơ 20hp, 01 bình hơi,

01 hộp máy điện điều khiển của thiết bị Hu gô lắ; 03 bộ cầu thang lên xuống bằng sắt của 03 thiết bị Ròng lượn, Đĩa bay và Hu gô lắ; tấm lợp chung quanh và sàn đi bằng nhôm của thiết bị Ròng lượn cho ông Ngô Minh C là 50.401.000 đồng thì thấy:

Theo bảng báo cáo giá chi tiết và hợp đồng được xác lập ngày 24/02/2016 giữa bên giao khoán ông Ngô Minh C, bên nhận thi công ông Trần Đình V – Chủ doanh nghiệp tư nhân Đình V, thực hiện một số nội dung công việc như sau: Bên B thực hiện công việc theo yêu cầu của bên A là: Tháo gỡ, vận chuyển các thiết bị gồm: Đĩa bay, Ròng lượn, Hu gô lắ, đu quay tổng hợp, hồ cá, cầu tuộc, ròng xích đu... đã có sẵn tại khu vui chơi thiếu nhi Quảng Ngãi đến lắp đặt các thiết bị này tại gần vòng xoay phường T. Bên giao khoán đảm bảo điện, nước, đường ra vào tại công trình tháo gỡ trong lúc thi công, điện nước tại hai điểm tháo gỡ và lắp đặt. Các thiết bị hỏng hóc khi bên thi công tháo gỡ trong bộ phận chính, bên giao khoán phải tự mua sắm cho bên thi công lắp đặt. Về thi công tháo gỡ mặt bằng: Bên nhận khoán có trách nhiệm đập phá, tháo gỡ toàn bộ khoản 2/3 nhà cấp 4 liền kề gần bên có sẵn và đập phá, tháo gỡ toàn bộ mái che đoạn phía sau tại công trình lắp đặt và tráng xi măng những đoạn không có nền. Tất cả sắt, thép hỏng hóc trong khung thiết bị Đĩa bay, Hu gô lắ, Ròng lượn theo như hiện trạng cũ đều sửa chữa, thay mới. Tận dụng toàn bộ tường rào công ngõ cũ tại khu vui chơi thiếu nhi, sơn mới toàn bộ những thiết bị và tường rào, vận chuyển, lắp đặt tại địa điểm mới. Tại phiên tòa, ông V thừa nhận khi tháo gỡ các thiết bị Đĩa bay, Hu gô lắ, Ròng lượn, đu quay tại nhà Văn hóa thiếu nhi Quảng Ngãi, ông đã vận chuyển các thiết bị gồm: 04 mô tơ, mỗi mô tơ 05hp của thiết bị Ròng lượn; 01 mô tơ 20hp, 01 bình hơi, 01 hộp máy điện điều khiển của thiết bị Hu gô lắ; 03 bộ cầu thang lên xuống bằng sắt của 03 thiết bị Ròng lượn, Đĩa bay và Hu gô lắ; tấm lợp chung quanh và sàn đi bằng nhôm của thiết bị Ròng lượn đến nhà ông C tại phường T để. Sau khi ông không thực hiện thi công nữa thì ông C đã bán, nhưng ông V không xuất trình được chứng cứ chứng minh ông C đã bán các thiết bị trên. Ông V không có biên bản bàn giao khối lượng công việc và tài sản cho ông C. Đồng thời tại điểm d của Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng và thanh toán phần phát sinh do ông V soạn thảo gửi cho ông C (ông C giao nộp cho Tòa án), ông V ghi: *“Tổng cộng các mục phát sinh bên A phải thanh toán cho bên B để thanh lý hợp đồng và bên B bàn giao một số thiết bị rời cho bên A hiện tại bên B đang giữ”*, điều này chứng tỏ các tài sản này ông V là người đang quản lý, nên ông V phải có trách nhiệm quản lý cho đến khi lập biên bản bàn giao cho ông C. Vì vậy, trong thời gian ông V thực hiện hợp đồng đã làm mất các tài sản nói trên, nên ông V phải bồi thường cho ông C các tài sản nói trên là phù hợp. Tòa sơ thẩm đã khấu hao tài sản và yêu cầu ông V phải bồi thường lại giá trị tài sản gồm 04 mô tơ, mỗi mô tơ 05hp của thiết bị Ròng lượn; 01 mô tơ 20hp, 01 bình hơi, 01 hộp máy điện điều khiển của thiết bị Hu gô lắ; 03 bộ cầu thang lên xuống bằng sắt của 03 thiết bị Ròng lượn, Đĩa bay và Hu gô lắ; tấm lợp chung quanh và sàn đi bằng nhôm của thiết bị Ròng lượn cho ông Ngô Minh C là 50.401.000 đồng là có căn cứ, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông V.

Như vậy, tổng cộng ông Trần Đình V phải có trách nhiệm hoàn trả tiền ứng còn thừa và bồi thường thiệt hại cho ông Ngô Minh C là 59.501.000 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông V, sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí: Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông không được Tòa án chấp nhận là 1.550.000 đồng (31.000.000 đồng x 5%).

Ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông C được Tòa án chấp nhận là 2.975.000 đồng (59.501.000 đồng x 5%). Ông V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 513 và Điều 519 Bộ luật dân sự; điểm khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 218, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Đình V. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 58/2017/DS-ST ngày 30/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Minh C.
2. Buộc ông Trần Đình V – Chủ doanh nghiệp tư nhân Đình V phải hoàn trả cho ông Ngô Minh C số 59.501.000 đồng (*Năm mươi chín triệu năm trăm lẻ một ngàn*).
3. Về án phí: Ông Ngô Minh C phải chịu 1.550.000 đồng (*Một triệu năm trăm năm mươi ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ cho ông Ngô Minh C số tiền 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số AA/2014/0002175 ngày 24/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q, hoàn trả cho ông C số tiền là 1.450.000 (*Một triệu bốn trăm năm mươi ngàn*) đồng.

Ông Trần Đình V phải chịu 2.975.000 đồng (*Hai triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm; không phải chịu tiền án phí phúc thẩm, khấu trừ cho ông V số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn*) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0001862 ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Ông Trần Đình V còn phải nộp 2.675.000 (*Hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn*) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với

thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất do bên được thi hành án và bên phải thi hành án thỏa thuận; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Bé